TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2024
V/v Ly hôn, trA chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Đại
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Bá Đường
2. Bà Phạm Thị Dung

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Hoàng Văn Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 27/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2024/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn, trA chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị S – Sinh năm 1983
Trú tại: Bản K3, xã BH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Có mặt.
2. Bị đơn: A Nguyễn Văn D – Sinh năm 1986
Trú tại: Bản K3, xã BH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

(Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn chị Phan Thị S trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị S và A Nguyễn Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2006 tại UBND xã BH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Sau khi đăng ký kết hôn chị S và A D chung sống hòa thuận đến tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do A chị không cùng quan điểm trong cuộc sống, luôn bất đồng ý kiến. A D thường xuyên nghe người ngoài kích động

dẫn đến đối xử không tốt với vợ con và gia đình bên vợ. A D thường xuyên đánh chửi chị S, sự việc đã được bố mẹ đẻ chị S khuyên ngăn nhưng A D không thay đổi. Không thể tiếp tục chung sống tháng 02 năm 2024 chị S đã chủ động ly thân A D. Sau khi ly thân A chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị S khởi kiện yêu cầu được ly hôn A D.

Về con chung A chị có 03 con chung:

1. Cháu Nguyễn ThA C – Sinh ngày 03 tháng 01 năm 2007;

2. Cháu Nguyễn Thị L – Sinh ngày 06 tháng 12 năm 2008;

3. Cháu Nguyễn A D – Sinh ngày 21 tháng 06 năm 2021.

Hiện nay cháu C và cháu L đang sống cùng chị S, cháu D đang sống cùng A D. Sau khi ly hôn chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu A D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng bị đơn vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Phan Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn A Nguyễn Văn D và giải quyết nuôi con chung; A Đ cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, trA chấp nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác với Tòa án, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa vì thế hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị S và A D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai vào ngày 12 tháng 01 năm 2006. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị S và A D là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến hai vợ chồng A chị thường xuyên bất hòa. Trong quá trình giải quyết vụ án chị S đã cung cấp được chứng cứ chứng minh được chị S và A D chung sống không hạnh phúc. Chị S và A D đã ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa.

Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S là phù hợp với khoản 1 Điều 56 , Điều 57 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung:

Xét đề nghị của Chị S. Trong quá trình giải quyết vụ án chị S đã cung cấp được chứng cứ chứng minh chị có mức thu nhập 5.000.000 đ/01 tháng. Tại phiên tòa chị S khai chị có mức thu nhập tối thiểu là 5.000.000 đồng đa số có mức thu nhập 7.000.000 đồng/01 tháng. A D không hợp tác khi Tòa án triệu tập để giải quyết vụ án. Vì vậy không thể hiện được nguyện vọng của A Đ về yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Cháu Nguyễn ThA C và Cháu Nguyễn Thị L có nguyện vọng được sống cùng chị S, cháu Nguyễn A D còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ hơn sau khi A chị ly hôn. Cần giao các con chung của A chị cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). A S không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Phan Thị S được ly hôn A Nguyễn Văn D. Quan hệ hôn nhân giữa chị S và A D chấm dứt kể từ khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Giao các cháu Nguyễn ThA C – Sinh ngày 03 tháng 01 năm 2007; Cháu Nguyễn Thị L – Sinh ngày 06 tháng 12 năm 2008; Cháu Nguyễn A D – Sinh ngày 21 tháng 06 năm 2021 cho chị Phan Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). A Nguyễn văn không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn A D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị S phải chịu 300.000 đồng, tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001196 ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

TV HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bá Đường – Phạm Thị Dung Vũ Quang Đại

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lào Cai;*
- *VKSND huyện (2);*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã BH;*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu Hsơ;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Quang Đại

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Đường – Dương Quý Sáng **Vũ Quang Đại**